

NGHỊ QUYẾT

Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 9

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Sau khi xem xét các báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, các cơ quan của Hội đồng nhân dân tỉnh, cơ quan hữu quan và ý kiến thảo luận của đại biểu tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện ba nhiệm vụ đột phá chiến lược: phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, cải thiện môi trường đầu tư và phát triển nguồn nhân lực. Thực hiện hiệu quả tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động và năng lực cạnh tranh. Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ; khuyến khích khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp, hợp tác xã kiểu mới. Thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững; các chính sách về phát triển nông nghiệp, nông thôn, kinh tế - xã hội miền núi. Cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội; giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa, nâng cao chất lượng giáo dục, y tế. Ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu; chủ động phòng, tránh thiên tai; tăng cường quản lý nhà nước về tài nguyên, bảo vệ môi trường; bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm. Nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử; tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế. Bảo đảm quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu

- 2.1. Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) tăng 7-7,5% so với năm 2018;
- 2.2. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội chiếm 30% GRDP;
- 2.3. Phần đất đạt và vượt chỉ tiêu thu ngân sách Trung ương giao năm 2019;
- 2.4. Phần đầu có thêm 13 xã nông thôn mới;
- 2.5. Phần đầu giảm trên 5.000 hộ nghèo;
- 2.6. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 62%;

- 2.7. Số giường bệnh đạt 37 giường/vạn dân (không tính giường trạm y tế xã);
- 2.8. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân còn dưới 11%;
- 2.9. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 93%
- 2.10. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 57,7%;
- 2.11. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh 93,8%;
- 2.12. Tỷ lệ dân số đô thị sử dụng nước sạch 77%;
- 2.13. Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom 90%;
- 2.14. Hoàn thành 100% chỉ tiêu gọi công dân nhập ngũ.

3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

Hội đồng nhân dân tỉnh cơ bản tán thành các nhiệm vụ, giải pháp trong các báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh trình và kiến nghị của các ban Hội đồng nhân dân tỉnh trong các báo cáo thẩm tra, báo cáo kết quả giám sát chuyên đề trình kỳ họp. Đồng thời yêu cầu Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân, các cơ quan hữu quan theo chức năng, nhiệm vụ thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau:

3.1. Tiếp tục đổi mới mô hình, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Phát triển kinh tế tư nhân trở thành động lực quan trọng của nền kinh tế; nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hóa. Xây dựng kế hoạch và giải pháp phù hợp để phát triển bền vững kinh tế biển. Kịp thời tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy các dự án trọng điểm đi vào hoạt động. Triển khai thực hiện có hiệu quả các dự án đầu tư, nhất là tại khu vực ven biển, vùng Đông Nam, vùng Tây, các khu, cụm công nghiệp và đô thị.

Tăng cường đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng khu, cụm công nghiệp, Khu kinh tế mở Chu Lai. Phát triển mạnh ngành công nghiệp cơ khí lắp ráp ô tô; các ngành công nghiệp phụ trợ, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, chế tạo, điện tử và viễn thông, năng lượng mới và năng lượng tái tạo. Tăng dần tỷ trọng các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao thông qua lựa chọn, thu hút các dự án có quy mô lớn, thân thiện môi trường. Thu hút các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động phổ thông đầu tư vào khu vực nông thôn, miền núi, tạo việc làm cho lao động nông thôn.

3.2 Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh nhằm huy động tối đa các nguồn lực, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Kịp thời triển khai đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, tổ hợp tác, hợp tác xã; các cơ chế đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Thúc đẩy việc đổi mới, sáng tạo; thực hiện các chính sách hỗ trợ khởi nghiệp. Khuyến khích phát triển các thành phần kinh tế và hình thức tổ chức kinh doanh. Triển khai phương án chuyển đổi mô hình hợp tác xã thích ứng với yêu cầu mới, cung cấp các dịch vụ phát triển kinh tế hộ gia đình. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh, năng suất, giá

trị cho từng sản phẩm. Hoàn thiện đề án, trình HĐND tỉnh ban hành cơ chế hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất.

3.3. Triển khai thực hiện Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; các quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được phê duyệt. Tổ chức lập các quy hoạch phân khu, khớp nối hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch thoát nước, xử lý nước thải, chống ngập úng cục bộ trên địa bàn toàn tỉnh, nhất là khu vực vùng Đông Nam, Khu Đô thị mới Điện Nam – Điện Ngọc. Khẩn trương hoàn chỉnh các thủ tục và triển khai đầu tư hệ thống lò đốt rác khu vực phía Bắc và phía Nam của tỉnh, chú ý về công nghệ, quy mô, hiệu quả đầu tư nhằm kịp thời giải quyết vấn đề rác thải.

Rà soát, đánh giá việc thực hiện các quy hoạch mỏ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, loại bỏ những điểm mỏ có nguy cơ cao về ô nhiễm môi trường. Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ rừng, tài nguyên khoáng sản; chấp hành nghiêm các quy định về bảo vệ môi trường sản xuất, khai thác khoáng sản. Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất rừng, đất lúa. Tăng cường trách nhiệm, lập lại trật tự kỷ luật, kỷ cương trong công tác quy hoạch, lập kế hoạch sử dụng đất; kiên quyết không gia hạn thời gian cho thuê đất đối với các dự án chậm triển khai. Tăng cường quản lý hiện trạng, chỉ đạo quyết liệt công tác tái định cư, bồi thường, giải phóng mặt bằng; kịp thời **giao đất nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án, bàn giao mặt bằng thi công các công trình.**

Ban hành quy định thực hiện thủ tục đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại; khuyến khích các Trung tâm Phát triển quỹ đất địa phương chủ động vay vốn từ Quỹ phát triển đất nhằm tạo quỹ đất sạch thu hút, triển khai thực hiện các dự án trên địa bàn. Tổ chức đấu giá, đấu thầu công khai, minh bạch lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án sử dụng quỹ đất có giá trị thương mại cao, các dự án đầu tư phát triển nhà ở, tạo nguồn vốn đầu tư kết cấu hạ tầng.

3.4. Đa dạng hoá các hình thức huy động, tạo nguồn vốn đầu tư phát triển. Tập trung nguồn vốn nhà nước đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành các dự án trọng điểm, sức lan tỏa lớn. Tiếp tục bố trí vốn đầu tư phát triển, khớp nối hạ tầng giao thông giữa vùng Đông và vùng Tây, giữa đô thị và nông thôn, giữa cao tốc với quốc lộ và tỉnh lộ, giữa các tuyến đường huyện và đường tỉnh, liên kết các tuyến đường ven biển và hạ tầng các đô thị. Ưu tiên tăng vốn đầu tư phát triển ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, phát triển hạ tầng thủy lợi, y tế và giáo dục.

Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn vay, đảm bảo nguồn vốn đối ứng kịp thời, đầy đủ để triển khai thực hiện. Xác định danh mục dự án cần sử dụng nguồn vốn vay theo thứ tự ưu tiên trong bố trí kế hoạch trung hạn. Tuân thủ đầy đủ các quy định về đầu tư công. Quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn vốn đầu tư; kiểm soát chặt nợ xây dựng cơ bản; chi bố trí vốn cho các dự án khởi công mới khi đảm bảo đầy đủ các thủ tục theo quy định; giảm tối đa việc điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư. Tập trung thu hồi nợ tạm ứng, bố trí vốn thanh toán nợ tạm ứng không quá hai lần; có biện pháp khấu trừ nợ, ngừng cấp vốn các trường hợp có số dư tạm ứng quá hạn. Thường xuyên theo dõi tiến độ giải ngân, điều chuyển vốn đối với các dự án giải ngân chậm, không có khối lượng thanh toán. Trình cấp có thẩm quyền

quy định cơ chế hỗ trợ đầu tư theo tỷ lệ nhất định đối với một số công trình do địa phương quản lý đảm bảo minh bạch trong hỗ trợ vốn; kiểm soát chặt việc đầu tư, nâng cấp, cải tạo trụ sở các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp. Ưu tiên bố trí vốn cho giải phóng mặt bằng. Tiếp tục thực hiện chủ trương tách dự án đầu tư thành dự án thành phần giải phóng mặt bằng và dự án thành phần xây lắp, giao UBND cấp huyện làm chủ đầu tư dự án thành phần giải phóng mặt bằng, chỉ bố trí vốn cho dự án thành phần xây lắp khi đã có mặt bằng sạch.

3.5 Tăng cường kỷ cương, kỷ luật tài chính - ngân sách, cương quyết thu hồi các khoản nợ tiền sử dụng đất. Kiểm soát chặt chẽ việc kê khai nộp thuế, tập trung các giải pháp thu hồi, giảm nợ đọng thuế, không để phát sinh nợ thuế mới. Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra; triển khai quyết liệt các giải pháp chống thất thu, trốn thuế, gian lận, chuyển giá, vi phạm pháp luật thuế, phí, lệ phí; triệt để tiết kiệm chi ngân sách nhà nước. Bảo đảm chi an sinh xã hội, phúc lợi xã hội và quốc phòng, an ninh. Tăng cường quản lý, sử dụng đúng quy định, hiệu quả nguồn thu từ cổ phần hóa, thoái vốn tại các doanh nghiệp nhà nước. Khai thác hiệu quả nguồn thu từ khai thác khoáng sản, chuyển quyền sử dụng đất, chuyển nhượng nhà, đất thuộc sở hữu Nhà nước. Nghiên cứu các giải pháp kết hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản với đấu giá thuế trước khi cấp phép hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn.

Tiếp tục quản lý, kiểm soát chặt chẽ các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, thực hiện sắp xếp lại các Quỹ theo phê duyệt của cấp có thẩm quyền đảm bảo tinh gọn về đầu mối, nâng cao hiệu quả hoạt động; phân bổ vốn từ ngân sách nhà nước trên cơ sở hiệu quả hoạt động của từng Quỹ và định hướng chính sách từng thời kỳ.

3.6. Chú trọng đầu tư phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, miền núi. Thực hiện công tác di dời, sắp xếp dân cư phù hợp với điều kiện tự nhiên, tập quán gắn với xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo và tạo thuận lợi trong đầu tư kết cấu hạ tầng đồng bộ. Tiếp tục tháo gỡ vướng mắc về tích tụ đất đai nhằm phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tổ chức lại sản xuất thông qua các hình thức hợp tác, liên kết giữa người dân với doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác trong chuỗi sản xuất, chế biến, tiêu thụ. Tổ chức thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ tín dụng, đơn giản hóa quy trình, thủ tục đầu tư. Đẩy mạnh phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch, kinh tế vườn, kinh tế trang trại, phát triển chăn nuôi tập trung, nuôi trồng thủy sản; cải hoán, đóng mới tàu thuyền công suất lớn, tích cực hỗ trợ ngư dân đánh bắt xa bờ. Tập trung xúc tiến, triển khai các nhóm dự án nâng cao hiệu quả kinh tế rừng, khai thác sản phẩm dưới tán rừng, trồng rừng gỗ lớn, phát triển dược liệu ở khu vực vùng Tây của tỉnh.

Tiếp tục thực hiện chủ trương ưu tiên bố trí, hỗ trợ kinh phí chính lý, đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp; tăng dày mốc giới 03 loại rừng. Huy động các nguồn lực hoàn thành việc đầu tư cấp điện lưới quốc gia đối với các thôn chưa có điện theo lộ trình.

3.7 Thực hiện có hiệu quả các Chương trình mục tiêu quốc gia về Xây dựng nông thôn mới, Giảm nghèo bền vững. Đánh giá tiến độ, hiệu quả cơ chế, giải

pháp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới để điều chỉnh phù hợp. Tập trung biện pháp, nguồn lực để hỗ trợ cộng đồng dân cư phát triển sản xuất, dịch vụ, nâng cao thu nhập. Phần đầu đạt số xã nông thôn mới trong năm theo kế hoạch đã đề ra; đồng thời duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí của các xã đã được công nhận. Hoàn thiện định hướng phát triển ngành nông nghiệp của tỉnh trên cơ sở các quy hoạch hiện có và xem xét bổ sung định hướng phát triển vùng sản xuất chuyên canh tập trung, nhất là cây trồng cạn. Đánh giá hiệu quả, bất cập chương trình kiên cố kênh mương, giao thông nội đồng, có giải pháp điều chỉnh phù hợp với định hướng mới về phát triển ngành nông nghiệp. Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), các dự án phát triển sản xuất, liên kết chuỗi giá trị sản xuất với tiêu thụ sản phẩm. Dự lượng tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu để chủ động ứng phó, có giải pháp hạn chế thiệt hại do thiên tai, bão lũ, sạt lở đất; đảm bảo nước tưới, tiêu trong sản xuất nông nghiệp.

Tập trung mọi nguồn lực thực hiện đồng bộ, toàn diện và có hiệu quả các chương trình, dự án giảm nghèo bền vững. Có giải pháp hỗ trợ giảm nghèo bền vững theo từng hộ, từng nhóm đối tượng; loại khỏi danh sách hộ nghèo những trường hợp tách hộ không đúng quy định để hưởng chính sách, hộ có sức khỏe nhưng lười lao động. Sơ kết, đánh giá việc thực hiện chính sách khuyến khích thoát nghèo của tỉnh, chính sách tín dụng tại khu vực miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; chú trọng kiểm tra phương án, định hướng sử dụng đảm bảo phát huy nguồn vốn vay trong giảm nghèo, nâng cao thu nhập. Thực hiện có hiệu quả các chính sách hỗ trợ cải thiện mức sống cho người có công cách mạng thuộc hộ nghèo và đối tượng bảo trợ xã hội.

3.8. Tiếp tục chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục, nhất là ở các địa bàn miền núi, vùng sâu, vùng đặc biệt khó khăn. Tổng rà soát, thống kê số lượng học sinh, giáo viên, cán bộ quản lý, nhân viên phục vụ ngành giáo dục, cơ sở vật chất trường, lớp theo từng cấp học, xây dựng Đề án tổng thể về phát triển giáo dục – đào tạo để có lộ trình đầu tư phù hợp, nâng cao chất lượng giáo dục nhất là khu vực miền núi. Giao UBND tỉnh chỉ đạo xây dựng đề án “Sửa học đường” cho học sinh mầm non, tiểu học khu vực miền núi trình HĐND tỉnh trong năm 2019. Chú trọng thực hiện đồng bộ các giải pháp và xây dựng chỉ tiêu phân luồng học sinh tốt nghiệp THCS, THPT vào học nghề; tăng cường kiểm định chất lượng đào tạo nghề. Tập trung các giải pháp về phát triển nguồn nhân lực theo chuyển dịch cơ cấu kinh tế; chính sách thu hút, tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ theo Nghị định 140/2017/NĐ-CP của Chính phủ; các cơ chế hỗ trợ đào tạo lao động, hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Tăng cường quản lý và nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, nghệ thuật, các lễ hội; các hoạt động thông tin, tuyên truyền. Sơ kết, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết 161/2015/NQ-HĐND, báo cáo HĐND tỉnh xem xét quyết định việc điều chỉnh danh mục hỗ trợ đầu tư tu bổ di tích quốc gia và di tích cấp tỉnh và các vấn đề có liên quan. Thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết Trung ương 6 (khóa XII) về công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân và dân số trong tình hình mới; vận động nhân dân tích cực tham gia BHYT toàn dân, xây dựng và có kế hoạch thực hiện chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia BHXH theo Nghị

quyết 102/NQ-CP năm 2018 của Chính phủ. Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp.

Tiếp tục đầu tư nâng cấp các bệnh viện, phòng khám đa khoa khu vực, trạm y tế đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh; kịp thời tháo gỡ các vướng mắc về thanh toán khám chữa bệnh cho người có thẻ BHYT tại các phòng khám đa khoa khu vực; triển khai thực hiện tốt công tác đấu thầu thuốc tập trung, phòng, chống dịch bệnh. Sơ kết việc thực hiện Nghị quyết 11/2017/NQ-HĐND của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ đào tạo kỹ thuật chuyên sâu cho viên chức y tế, điều chỉnh, bổ sung phù hợp nhằm phát huy hiệu quả chính sách.

3.9. Nắm chắc tình hình, chủ động xử lý kịp thời các tình huống; giữ vững an ninh - chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. **Thực** hiện tốt các biện pháp phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng – an ninh, củng cố thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân và biên phòng toàn dân. Đẩy mạnh các biện pháp công tác nghiệp vụ trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, nhất là các đối tượng tội phạm nguy hiểm, tội phạm có tổ chức, tội phạm công nghệ cao, tội phạm ma túy. Tích cực phòng, chống các tệ nạn xã hội, đánh bạc, tín dụng đen, cho vay nặng lãi. Nâng cao chất lượng công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, không để xảy ra oan, sai, bỏ lọt tội phạm.

Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo nhất là các vụ việc khiếu kiện đông người, không để xảy ra điểm nóng. Chỉ đạo, phối hợp giải quyết kịp thời các vướng mắc phát sinh trong quá trình thi hành các kết luận sau thanh tra, không để tồn đọng, kéo dài. Chú trọng tăng cường công tác thanh tra trên một số lĩnh vực dễ xảy ra sai phạm; kiện toàn bộ máy tổ chức các cơ quan thanh tra cấp huyện, thanh tra chuyên ngành cấp sở, đảm bảo lực lượng thực hiện nhiệm vụ; đồng thời xử lý nghiêm minh các sai phạm, nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác thanh tra.

Tiếp tục thực hiện lộ trình tinh giản biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy theo chủ trương chung. Chấn chỉnh các trường hợp hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn ở các sở, ngành; thí điểm việc giao quyền tự chủ toàn diện ở một số bệnh viện công lập. Có giải pháp xử lý vấn đề thừa, thiếu giáo viên cục bộ trong quá trình rà soát, sắp xếp mạng lưới cơ sở giáo dục, đào tạo. Tích cực tuyên truyền, động viên, tạo sự đồng thuận trong khi sắp xếp tổ chức, giảm các chức danh và thay đổi quy định về mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách thôn, tổ dân phố; kịp thời chỉ đạo kiện toàn tổ chức, bố trí các chức danh ở thôn, tổ dân phố đảm bảo hoạt động ổn định, hiệu quả.

4. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất

4.1 Nội dung Báo cáo 34/BC-HĐND ngày 30/11/2018 của Thường trực HĐND tỉnh về kết quả giám sát việc giải quyết ý kiến, kiến nghị cử tri sau kỳ họp thứ 6, HĐND tỉnh khóa IX. Đề nghị HĐND, Thường trực HĐND, UBND, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các cơ quan, tổ chức hữu quan tiếp tục nâng cao chất lượng tổng hợp, giải quyết và giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri và Nhân dân; triển khai đồng bộ các giải pháp để thực hiện các nội dung trong Báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri, Nhân dân tại kỳ họp thứ 9.

4.2. Nội dung Báo cáo 35/BC-HĐND ngày 03/12/2018 của Thường trực HĐND tỉnh về phối hợp giải quyết những vấn đề phát sinh từ sau kỳ họp thường lệ giữa năm 2018 đến kỳ họp thường lệ cuối năm 2018, HĐND tỉnh khóa IX, nhiệm kỳ 2016 – 2021.

4.3. Nội dung Báo cáo 188/BC-UBND ngày 30/11/2018 của UBND tỉnh về tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết 130/2014/NQ-HĐND ngày 11/12/2014 của HĐND tỉnh về giá đất, bảng giá đất thời kỳ 2015 – 2019.

4.4. Bổ sung Công ty TNHH MTV khai thác thủy lợi Quảng Nam vào đối tượng triển khai của Nghị quyết 205/2016/NQ-HĐND ngày 26/4/2016 của HĐND tỉnh về cơ chế đầu tư kiên cố hóa kênh mương, thủy lợi hóa đất màu và thủy lợi nhỏ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2016-2020.

5. Tổ chức thực hiện

Ủy ban nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, các cơ quan hữu quan theo chức năng của mình tổ chức thực hiện.

Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên giám sát và động viên các tầng lớp nhân dân trong tỉnh thực hiện Nghị quyết của HĐND tỉnh.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa IX, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2018./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB - UBND tỉnh;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TTXVN tại QN;
- Công TTĐT tỉnh;
- Báo QN, Đài PT-TH QN;
- VP HĐND tỉnh: CPVP, CV;
- Lưu VT, TH (Hiện).

CHỦ TỊCH

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Quang